

Notes: tô màu vàng là đáp án của cô, màu cam là đáp án cá nhân nghĩ rằng đúng.

MR: doanh thu biên

MC: chi phí biên

TR: tổng chi phí

TC: tổng doanh thu = FC + VC (cố định + biến đổi)

MR và MC: Tại điểm tối đa lợi nhuận, **MR = MC**.

TR và TC: Doanh thu biên (MR) và chi phí biên (MC) giúp tối đa hóa lợi nhuận.

AC: Là chi phí trung bình cho mỗi sản phẩm khi sản xuất một mức sản lượng nhất định.

GDP là tổng giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất trong một quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm hoặc một quý), mà không tính đến quốc tịch của các chủ thể sản xuất

GNP là tổng giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất bởi công dân của một quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm hoặc một quý), bất kể họ sản xuất trong hay ngoài biên giới quốc gia.

CHƯƠNG 1

Câu 1: Khi bạn mua 1 ổ bánh mì:

- a. Người bán có lợi còn bạn sẽ thiệt vì phải trả tiền.
- b. Bạn sẽ có lợi còn người bán thì không nếu bạn mua vào lúc nửa đêm.
- c. Người bán sẽ có lợi còn bạn chỉ có lợi khi đói bụng
- d. Bạn và người bán cùng có lợi

Câu 2: Theo mô hình đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF), hiệu quả sẽ đạt được khi

- a. Toàn bộ nguồn lực được sử dụng hết
- b. Toàn bộ nguồn lực được sử dụng hết hoặc mức sản lượng tạo ra là lớn nhất
- c. Mức sản lượng là lớn nhất
- d. Toàn bộ nguồn lực được sử dụng hết và mức sản lượng tạo ra là lớn nhất

Câu 3: Kinh tế học là môn học nghiên cứu về

- a. Việc phân phối công bằng của cải và thu nhập của xã hội
- b. Việc các hãng sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ như thế nào
- c. Việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực khan hiếm
- d. Việc in và luân chuyển tiền tệ trong nền kinh tế

Câu 4: Vấn đề nào sau đây thuộc kinh tế học thực chứng:

- a. Thuế xe hơi và xăng tại Việt Nam là quá cao nên giảm bớt
- b. Lương tối thiểu ở doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài và doanh nghiệp trong nước chênh lệch nhau 3 lần
- c. Cần tăng lương tối thiểu từ 1,5 triệu lên 2 triệu đồng
- d. Cần tăng thuế nhiều hơn để tăng thu ngân sách

Câu 5: Các nhân tố sản xuất cơ bản là:

- a. Tài nguyên, lao động, vốn, công nghệ.
- b. Tài nguyên, lao động, tiền, công nghệ.
- c. Tài nguyên, lao động, vốn, tổ chức sản xuất.
- d. Tài nguyên, lao động, vốn, kỹ năng quản lý.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây thuộc kinh tế học thực chứng?

- a. Doanh nghiệp nên giảm nhân công để giảm chi phí
- b. Lãi suất vay vốn thấp sẽ khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư
- c. Chính phủ nên giảm thuế cho doanh nghiệp
- d. Chính phủ cần phải giảm lãi suất để kích thích đầu tư

Câu 7: Một nền kinh tế có đường PPF: $y = -3x + 10$. Đường PPF này cho biết

- a. Để sản xuất thêm 1 đơn vị Y phải hy sinh 3 đơn vị X
- b. Để sản xuất thêm 1 đơn vị X phải hy sinh 1/3 đơn vị Y
- c. Để sản xuất thêm 1 đơn vị X phải hy sinh 3 đơn vị Y
- d. Để sản xuất thêm 1 đơn vị Y phải hy sinh 3/4 đơn vị X

Câu 8: Bàn tay vô hình là cách nói của Adam Smith khi ông ủng hộ:

- a. Nền kinh tế thị trường tự do (Chính phủ không can thiệp)
- b. Nền kinh tế kế hoạch (Chính phủ can thiệp)
- c. Nền sản xuất hàng hóa
- d. Nền kinh tế hỗn hợp (Chính phủ can thiệp part-time)

Câu 9: Hoa bỏ ra 2 giờ để đi mua sắm và mua được đôi giày với giá 50.000 đồng, chi phí cơ hội của đôi giày là:

- a. 2 giờ
- b. Lợi ích thu được từ phương án sử dụng thay thế tốt nhất của 2 giờ và 50.000 đồng
- c. 2 giờ và 50.000 đồng
- d. Một đôi giày.

Câu 10: Trong mô hình kinh tế hỗn hợp, các vấn đề kinh tế cơ bản được giải quyết

- a. Thông qua thị trường
- b. Thông qua thị trường và kế hoạch của Chính phủ
- c. Thông qua mối quan hệ cung – cầu của nền kinh tế
- d. Thông qua các kế hoạch của Chính phủ

Câu 11: Chi phí cơ hội được hiểu là:

- a. Số tiền mà doanh nghiệp có thể kiếm được từ một phương án sản xuất thay thế tốt nhất trong tất cả các phương án thay thế đã bị bỏ qua.
- b. Số tiền mà doanh nghiệp kiếm được khi quyết định thực hiện một dự án .
- c. Cơ hội để tìm kiếm lợi nhuận cao nhất trong các cơ hội hiện có của doanh nghiệp.
- d. Số tiền mà doanh nghiệp kiếm được từ một phương án kinh doanh không tốt như phương án kinh doanh đang thực hiện.

Câu 12: Trong các ví dụ dưới đây, ví dụ nào là điển hình cho việc trả lời câu hỏi: “Sản xuất cái gì?” trong mô hình kinh tế chỉ huy?

- a. Quy định của chính phủ làm ảnh hưởng đến sự khấu hao để bù đắp những hao mòn công nghiệp.
- b. Luật pháp mang lại cơ hội công bằng như nhau cho mọi người lao động.
- c. Chính phủ giảm khấu trừ cho các khoản cầm cố, thế chấp của tư nhân.
- d. Chính phủ trợ giá cho các căn hộ.

Câu 13: Trong trường hợp nào thì đường PPF dịch chuyển ra phía ngoài

- a. Sự gia tăng về khoảng cách giàu nghèo
- b. Sự gia tăng về tiến bộ công nghệ
- c. Sự nâng cao về chất lượng sản phẩm
- d. Việc giảm bớt số lao động thất nghiệp hiện có

Notes: Nếu mà công nghệ cải thiện, nguồn cung các yếu tố sản xuất tăng lên (làm tăng khả năng sản xuất của cả 2 hàng hóa) thì đường PPF dịch sang phải. Ngược lại, một thảm họa tự nhiên, quân sự hoặc hệ sinh thái sẽ làm đường PPF dịch sang trái.

Câu 14: Nguồn lực sản xuất là tất cả những điều dưới đây, ngoại trừ:

- a. Kỹ năng kinh doanh, đất đai và vốn hiện vật mà doanh nghiệp sở hữu
- b. Đất đai, kỹ năng của người lao động và máy móc của doanh nghiệp
- c. Tiền mà chúng ta giữ để mua hàng hóa
- d. Đất đai, tinh thần doanh nhân và số lượng lao động mà doanh nghiệp đang thuê

Notes: nguồn lực sản xuất là Đất đai, Lao động, Vốn, Tinh thần doanh nhân (kỹ năng tổ chức, quản lý,...). Tiền chỉ là phương tiện trao đổi hoặc lưu giữ giá trị.

Câu 15: Nhiệm vụ của khoa học kinh tế là:

- a. Giúp thế giới tránh khỏi sử dụng quá mức nguồn lực khan hiếm
- b. Giúp chúng ta biết lựa chọn những gì là tốt nhất cho mình
- c. Giúp chúng ta hiểu được nền kinh tế vận hành như thế nào
- d. Giúp nền kinh tế phát huy được các lợi thế sản xuất

Câu 16: Lan đang làm thêm với mức lương 100 ngàn đồng mỗi giờ. Vào cuối tuần, Lan nghĩ làm để tham gia khóa học tiếng anh kéo dài 2 giờ với mức học phí là 60 ngàn/giờ. Chi phí cơ hội của Lan là bao nhiêu khi tham gia khóa học?

- a. 320 ngàn
- b. 200 ngàn
- c. 120 ngàn
- d. 320 ngàn và 2 giờ

Câu 17: Trong kinh tế thị trường, nhân tố nào quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự khan hiếm:

- a. Sự kiểm soát của chính phủ trong việc phân bổ các nguồn lực.
- b. Giá của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ
- c. Nhu cầu và sự mong muốn của người tiêu dùng.
- d. Thu nhập của người tiêu dùng

Câu 18: Vấn đề nào thuộc nghiên cứu của kinh tế vi mô:

- a. Sản lượng và giá cả của thị trường ô tô ở Mỹ (vi mô do nó tập trung vào thị trường ô tô)
- b. Mức giá chung trong nền kinh tế Mỹ
- c. Sản lượng của toàn bộ nền kinh tế
- d. Toàn bộ số nhân công được thuê ở Mỹ

Câu 19: Nhân tố nào trong các nhân tố sau đây không được xem là nguồn lực sản xuất cơ bản:

- a. Tiền.
- b. Lao động chưa được đào tạo.
- c. Máy móc thiết bị.
- d. Công nghệ.

Câu 20: Kinh tế học có thể định nghĩa là một môn khoa học nhằm giải thích:

- a. Tất cả các hành vi của con người
- b. Sự lựa chọn trong bối cảnh có sự khan hiếm nguồn lực
- c. Các quyết định của hộ gia đình
- d. Sự lựa chọn bị quyết định bởi các chính trị gia

Notes: **Kinh tế học** là môn khoa học xã hội nghiên cứu cách con người ra quyết định khi đối mặt với **sự khan hiếm** nguồn lực, bao gồm tài nguyên, lao động, vốn, và thời

gian. Các khái niệm cốt lõi trong kinh tế học xoay quanh việc **phân bổ nguồn lực** sao cho hiệu quả nhất để đáp ứng các nhu cầu vô hạn trong điều kiện nguồn lực có hạn.

CHƯƠNG 2

Câu 1: Yếu tố nào sau đây không được coi là yếu tố quyết định cầu hàng hóa

- a. Thu nhập
- b. Giá hàng hóa liên quan
- c. Giá các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa
- d. Thị hiếu, sở thích

Câu 2: Cầu về nước giải khát Coca di chuyển là do:

- a. Giá nước Coca tăng
- b. Thu nhập của người tiêu dùng tăng
- c. Giá nước Pepsi tăng
- d. Giá nước Pepsi giảm

Câu 3: Yếu tố nào sau đây có thể làm cho đường cung cá basa dịch chuyển sang trái?

- a. Giá cá basa giảm
- b. Giá cá basa tăng
- c. Thu nhập của người tiêu dùng giảm
- d. Giá cá giống tăng

Notes: **không chọn B** vì khi giá tăng, lượng cung sẽ tăng (nếu không có thay đổi về chi phí hoặc yếu tố khác), nhưng đường cung không dịch chuyển, chỉ thay đổi điểm trên đường cung. Còn khi giá cá giống tăng thì sẽ làm tăng chi phí sản xuất của cá basa => nsx cung ít lại => **làm dịch chuyển**. TQC: Giá => di chuyển not dịch chuyển.

Câu 4: Nếu giá sản phẩm X tăng lên, các điều kiện khác không đổi thì:

- a. Cầu sản phẩm X tăng lên
- b. Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X giảm xuống
- c. Phần chi tiêu sản phẩm X tăng lên
- d. Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên

Câu 5: Nếu giá hiện tại cao hơn giá cân bằng, thì:

- a. Cung lớn hơn cầu, thị trường dư thừa hàng hóa
- b. Cung nhỏ hơn cầu, thị trường thiếu hụt hàng hóa
- c. Cung lớn hơn cầu, thị trường thiếu hụt hàng hóa
- d. Cung nhỏ hơn cầu, thị trường dư thừa hàng hóa

Câu 6: Phương trình cung – cầu có dạng: $P = -1/5Q + 7$ và $P = 1/5Q + 1$. Nếu $P = 5$ thì:

- a. Cầu lớn hơn cung. Thị trường thiếu hụt hàng hóa
- b. Cung lớn hơn cầu. Thị trường thiếu hụt hàng hóa
- c. Cầu lớn hơn cung. Thị trường dư thừa hàng hóa
- d. Cung lớn hơn cầu. Thị trường dư thừa hàng hóa

Câu 7: Khi xảy ra hiện tượng dư thừa hay thiếu hụt, sản lượng trao đổi thực tế trên thị trường sẽ:

- a. Luôn nhỏ hơn lượng cân bằng
- b. Nhỏ hơn lượng cân bằng khi thiếu hụt và lớn hơn lượng cân bằng khi dư thừa
- c. Lớn hơn lượng cân bằng khi thiếu hụt và nhỏ hơn lượng cân bằng khi dư thừa
- d. Luôn lớn hơn lượng cân bằng

TQC: lượng trao đổi thực tế là min của (cung, cầu) => luôn nhỏ hơn khi cung = cầu

Câu 8: Yếu tố nào sau đây không làm thay đổi cầu hàng hóa

- a. Giá hàng hóa liên quan
- b. Thị hiếu người tiêu dùng
- c. Công nghệ sản xuất
- d. Thu nhập của người tiêu dùng

Câu 9: $P = 5$ thì $Q = 15$; $P = 9$ thì $Q = 13$. Vậy ta có:

- a. Đường cung: $P = 2Q - 30$
- b. Đường cung: $P = 2Q + 35$
- c. Đường cầu: $P = -2Q + 35$
- d. Đường cầu: $P = -1/2Q + 30$

Câu 10: Đường cầu về dịch vụ điện thoại dịch chuyển sang bên phải là do:

- a. Thu nhập của dân chúng tăng
- b. Thu nhập của dân chúng giảm
- c. Giá dịch vụ điện thoại tăng
- d. Giá điện thoại tăng

Câu 11: $P = 20$ thì $Q = 4$; $P = 35$ thì $Q = 9$. Vậy ta có:

- a. Đường cầu: $P = -3Q + 8$
- b. Đường cung: $P = 3Q + 8$
- c. Đường cầu: $P = 3Q + 8$
- d. Đường cung: $P = -3Q + 8$

Câu 12: Phương trình cung – cầu có dạng: $Q = 70 - 2P$ và $Q = P - 5$. Giá bằng bao nhiêu thì được coi là giá sàn:

- a. $P = 24$
- b. $P = 25$
- c. $P = 26$
- d. $P = 23$

TQC: giá sàn > giá cân bằng (25) $\Rightarrow 26$

Câu 13: Nếu giá của Iphone 13 giảm xuống, các điều kiện khác không đổi thì:

- a. Thu nhập của người tiêu dùng tăng lên
- b. Lượng cầu Iphone 1 giảm xuống
- c. Lượng cung Iphone 13 giảm xuống
- d. Chi phí sản xuất tăng lên

Notes: giống câu cá basa (câu 3)

Câu 14: Nếu đường cung dốc lên thì câu nào dưới đây không đúng:

- a. Nếu đường cung dịch chuyển sang phải còn đường cầu dịch chuyển sang trái, giá cân bằng sẽ giảm.
- b. Nếu đường cầu dịch chuyển sang phải còn đường cung dịch chuyển sang trái, giá cân bằng sẽ tăng
- c. Nếu đường cầu dịch chuyển sang trái còn đường cung dịch chuyển sang phải, giá cân bằng sẽ tăng

- d. Nếu đường cung dịch chuyển sang trái, còn đường cầu vẫn giữ nguyên, giá cân bằng sẽ tăng

Notes: đường cung dốc lên => giá tăng làm cung tăng, đường cầu dốc xuống => giá tăng làm cầu giảm. Câu c: cầu giảm, cung tăng nên làm dư thừa hàng hoá => giá cân bằng **PHẢI** giảm

Câu 15: $P = 12$ thì $Q = 6$; $P = 16$ thì $Q = 10$. Vậy ta có:

- a. Đường cung: $P = Q - 6$
- b. Đường cung: $P = Q + 6$
- c. Đường cầu: $P = -Q + 6$
- d. Đường cầu: $P = 4Q - 6$

Câu 16: Sản lượng cà phê cung ứng trên thị trường dịch chuyển sang bên trái là do:

- a. Chi phí sản xuất cà phê giảm
- b. Biến đổi khí hậu dẫn đến cà phê bị mất mùa
- c. Người nông dân dự đoán giá cà phê trong tương lai sẽ tăng
- d. Thời tiết thuận lợi khiến cà phê được mùa

Câu 17: Đường cầu của sách giáo khoa sẽ dời sang phải khi:

- a. Giá của sách giáo khoa cùng loại giảm
- b. Giá giấy dùng để in sách giảm
- c. Giá của sách giáo khoa giảm
- d. Số lượng sinh viên tăng

Câu 18: Yếu tố nào sau đây không được coi là yếu tố quyết định cung hàng hóa:

- a. Giá cả hàng hóa
- b. Công nghệ sản xuất
- c. Kỳ vọng giá của người tiêu dùng
- d. Kỳ vọng giá của nhà sản xuất

Notes: kỳ vọng giá của nsx là yếu tố quyết định vì họ kỳ vọng nhiều thì họ mới cho sx nhiều, nếu kỳ vọng ít thì họ cho sx ít để chứa cho lần đầu tư sau. Còn kỳ vọng của giá của người tiêu dùng chỉ ảnh hưởng tới **CẦU**, không ảnh hưởng tới **CUNG**.

Câu 19: Cung hàng hóa thay đổi khi

- a. Thu nhập của người tiêu dùng tăng lên
- b. Nhiều doanh nghiệp tham gia vào thị trường
- c. Cầu hàng hóa thay đổi
- d. Thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi

Notes: **Cung hàng hóa thay đổi** khi có sự thay đổi trong các yếu tố tác động đến quyết định sản xuất và cung ứng của nhà sản xuất, ví dụ như:

- Số lượng nhà sản xuất trong thị trường tăng lên (nhiều doanh nghiệp tham gia vào thị trường), dẫn đến lượng cung tăng.
- Công nghệ sản xuất, chi phí sản xuất, giá cả nguyên liệu, hoặc kỳ vọng của nhà sản xuất.

Câu 20: Khi giá điện giảm xuống thì

- a. Cầu về bếp điện sẽ tăng lên
- b. Cầu về bếp ga sẽ tăng lên
- c. Giá bếp điện tăng lên
- d. Cầu về bếp điện sẽ giảm xuống

CHƯƠNG 3

- Tính chất co giãn của cầu:

+ Nếu cầu co giãn nhiều (cầu co giãn mạnh), người tiêu dùng sẽ giảm lượng mua khi giá tăng, khiến người bán không thể chuyển hết thuế cho người tiêu dùng.

+ Nếu cầu co giãn ít (cầu không co giãn mạnh), người tiêu dùng ít bị ảnh hưởng bởi sự tăng giá và người bán có thể chuyển phần lớn thuế cho người tiêu dùng.

- **Hàng hóa thay thế:** Là những hàng hóa có thể thay thế lẫn nhau trong tiêu dùng. Khi giá của hàng hóa A tăng, người tiêu dùng có thể chuyển sang mua hàng hóa B nếu B là hàng thay thế cho A. Do đó, cầu đối với B sẽ **tăng lên**.

- **Hàng hóa bổ sung:** Là những hàng hóa thường được tiêu dùng cùng nhau. Khi giá của hàng hóa A tăng, người tiêu dùng sẽ mua ít hơn cả A và B, làm cầu đối với B **giảm**.

- **Hàng thứ cấp:** Đây là những hàng hóa mà nhu cầu tiêu dùng sẽ tăng khi thu nhập giảm, không phải là yếu tố liên quan đến mối quan hệ giữa A và B trong tình huống này.

- **Hàng bình thường:** Là những hàng hóa mà cầu tăng khi thu nhập của người tiêu dùng tăng. Tuy nhiên, điều này cũng không phải là yếu tố ảnh hưởng đến cầu của B khi giá của A thay đổi.

Câu 1: Khi giá sản phẩm Y là 4 thì lượng tiêu thụ sản phẩm X là 10. Khi giá sản phẩm Y tăng lên 7 thì lượng tiêu thụ sản phẩm X là 15. Vậy:

- a. X và Y là hai sản phẩm thay thế cho nhau
- b. X và Y là hai sản phẩm tách rời nhau
- c. X và Y là hai sản phẩm bổ sung cho nhau
- d. X và Y là hai sản phẩm vừa thay thế, vừa bổ sung cho nhau

Câu 2: Thu nhập của Minh tăng từ 940\$/tuần lên 1060\$/tuần. Kết quả là anh ta quyết định tăng lượng kẹo cao su sẽ mua hàng tuần lên 9%. Co giãn của cầu theo thu nhập về kẹo cao su của Minh là:

- a. 0,9
- b. 1,4
- c. 0.7
- d. 0,1

Câu 3: Khi một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo giá là 1 thì khoản chi tiêu của người tiêu dùng:

- a. Thay đổi ngược chiều với sự thay đổi của giá
- b. Thay đổi ngược chiều và bằng % như sự thay đổi của giá
- c. Không thay đổi khi giá hàng hóa thay đổi
- d. Thay đổi cùng chiều với sự thay đổi của giá

Note: **Độ co giãn đơn vị (PED = 1):** Khi giá tăng 1%, lượng cầu giảm 1% (hoặc ngược lại). Tuy nhiên, vì sự thay đổi về lượng cầu và giá tỷ lệ với nhau, **tổng chi tiêu** (giá x số lượng) của người tiêu dùng sẽ không thay đổi.

Câu 4. Nếu mục tiêu của công ty là tối đa hóa doanh thu, và cầu về sản phẩm của công ty tại mức giá hiện có là co giãn nhiều, công ty sẽ:

- a. Giữ giá như cũ
- b. Tăng lượng bán
- c. Tăng giá
- d. Giảm giá

Câu 5: Giá sản phẩm X tăng lên dẫn đến phần chi tiêu cho sản phẩm X tăng lên thì hệ số co giãn của cầu theo giá sản phẩm là:

- a. $|ED| < 1$
- b. $|ED| = 1$
- c. $|ED| > 1$
- d. $|ED| = 0$

Câu 6: Một chiếc tivi có giá là 10 triệu đồng, chính phủ đánh thuế 30% lên mặt hàng này và người mua vẫn trả mức giá là 10 triệu đồng. Vậy:

- a. Cầu không co giãn
- b. Cầu co giãn nhiều
- c. Cầu ít co giãn
- d. Cầu co giãn hoàn toàn

Note: do dù bị đánh thuế 30% mà người dùng vẫn trả số tiền y như không thuế thì có nghĩa là “người dùng sẽ không mua nếu tăng giá” (do họ không phụ thuộc vào sản phẩm này, nên thuế họ không cần phải chịu)

Câu 7: Giá cả hàng bột giặt là 8.000 đồng/kg. Khi chính phủ đánh thuế 500đ/kg, giá cả trên thị trường là 8.100đ/kg. Tính chất co giãn cầu theo giá của hàng bột giặt là:

- a. Co giãn ít
- b. Co giãn hoàn toàn
- c. Co giãn nhiều
- d. Hoàn toàn không co giãn

Câu 8. Trong điều kiện nào thì người tiêu dùng phải chịu phần lớn số thuế:

- a. Cầu hoàn toàn không co giãn
- b. Cầu co giãn ít hơn so với cung

- c. Cầu hoàn toàn co giãn
- d. Cung co giãn ít hơn so với cầu

Câu 9. Giá trần (giá tối đa) luôn dẫn tới:

- a. Sự thiếu hụt
- b. Sự dư cung
- c. Sự cân bằng thị trường
- d. Sự gia nhập ngành

Câu 10. Hàm số cầu và hàm số cung của một hàng hóa như sau: $P = -Q + 50$; $P = Q + 10$. Nếu chính phủ quy định giá tối đa là $P = 20$ thì lượng hàng hóa:

- a. Dư thừa 20
- b. Thiếu hụt 30
- c. Thiếu hụt 20
- d. Dư thừa 30

Note: ta tính ra được giá cân bằng là $P = 20$, với $P = 20$ thì Q cầu = 30 và Q cung = 10
 \Rightarrow thiếu hụt $30 - 10 = 20$

Câu 11: Một bao muối có giá là 2000 đồng, chính phủ đánh thuế 100% lên mặt hàng này và người mua phải trả mức giá là 4000 đồng. Vậy:

- a. Cầu co giãn hoàn toàn
- b. Cầu co giãn nhiều
- c. Cầu ít co giãn
- d. Cầu hoàn toàn không co giãn

Note: người dùng chịu hết thuế nhưng mà họ vẫn mua \Rightarrow cầu không co giãn (giá tăng thì họ vẫn cần nhiều đó) - họ phụ thuộc vào sản phẩm

Câu 12: Khi cầu đối với một hàng hóa là co giãn, cung ít co giãn

- a. Người sản xuất chịu thuế nhiều hơn trong thuế đánh vào hàng hoá
- b. Không câu nào đúng
- c. Mỗi người chịu một nửa

- d. Người tiêu dùng chịu phần lớn trong thế đánh vào hàng hóa

Note: cầu co giãn nhiều hơn cung => người sản xuất chịu nhiều thuế hơn. Nếu cầu co giãn ít hơn cung => người tiêu dùng sẽ chịu nhiều thuế hơn

Câu 13: Nếu giá hàng hóa A tăng lên gây ra sự dịch chuyển của đường cầu đối với hàng hóa B về phía bên trái thì:

- a. A và B là hàng hóa thay thế trong tiêu dùng
- b. B là hàng thứ cấp
- c. A và B là hàng hóa bổ sung trong tiêu dùng
- d. B là hàng bình thường

Note: đường cầu của B dịch sang trái => cầu giảm. Vì khi giá tăng mà cầu của A và B đều giảm thì 2 hàng hoá này bổ sung cho nhau.

Câu 14. Hàng hóa A là những hàng thứ cấp. Nếu giá của A giảm đột ngột còn phân nửa. Tác động thay thế sẽ làm cầu hàng A:

- a. Giảm còn một nửa
- b. Tăng nhiều hơn gấp đôi
- c. Tăng lên gấp đôi
- d. Các câu trên đều sai

cầu tăng là đúng nhưng k đủ dữ kiện kết luận tăng bao nhiêu

Câu 15: Các nhà kinh doanh nói về độ co giãn của cầu theo giá nhưng không sử dụng khái niệm về độ co giãn. Câu nào sau đây minh họa về một loại sản phẩm là co giãn:

- a. Tôi không nghĩ giảm giá tạo ra sự khác biệt đáng kể gì. Tôi có thể bán được nhiều hơn một ít nhưng lại với mức giá thấp hơn.
- b. Khách hàng của tôi thực sự là những nhà sản môi. Khi tôi đặt giá thấp hơn giá của các đối thủ vài đồng, doanh thu của tôi tăng lên đột ngột.
- c. Với sự phát triển kinh tế như hiện nay, thu nhập mọi người cao hơn và họ cũng muốn mua sắm nhiều hơn thậm chí ở cả những mức giá trước đây.
- d. Giảm giá sẽ chẳng giúp gì cho tôi. Doanh thu sẽ không tăng và tôi sẽ thu lời được ít hơn từ mỗi đơn vị hàng hóa.

Câu 16: Nếu A và B là hai hàng hóa thay thế trong tiêu dùng và giá cả của các nguồn lực để sản xuất hàng hóa A tăng, thì giá của:

- a. Cả A và B giảm
- b. B sẽ giảm nhưng giá của A tăng lên
- c. B sẽ tăng nhưng giá của A giảm xuống
- d. Cả A và B tăng lên

Câu 17: Một sự gia tăng về cầu và giảm về cung của một hàng hóa sẽ dẫn đến:

- a. Giá cân bằng sẽ giảm, sự thay đổi về lượng cân bằng chưa thể xác định được
- b. Giá và lượng cân bằng sẽ tăng
- c. Giá và lượng cân bằng giảm
- d. Giá cân bằng sẽ tăng, sự thay đổi về lượng cân bằng chưa thể xác định được

Notes: Khi cầu tăng và cung giảm, giá cân bằng chắc chắn sẽ tăng vì cầu lớn hơn và cung nhỏ hơn. Tuy nhiên, sự thay đổi về lượng cân bằng phụ thuộc vào mức độ thay đổi của cầu và cung.

- Nếu mức tăng của cầu lớn hơn mức giảm của cung, lượng cân bằng sẽ tăng.
- Nếu mức giảm của cung lớn hơn mức tăng của cầu, lượng cân bằng sẽ giảm.
- Nếu cả hai thay đổi tương đương nhau, lượng cân bằng có thể không đổi.

Câu 18: Hàng hóa thay thế là hàng hóa mà cầu hàng hóa này giảm khi giá hàng hóa thay thế tăng lên

- a. Sai. Vì hai hàng hóa thay thế có mối quan hệ ngược chiều nhau
- b. Đúng. Vì hai hàng hóa thay thế có mối quan hệ ngược chiều nhau
- c. Đúng. Vì hai hàng hóa thay thế có mối quan hệ cùng chiều với nhau
- d. Sai. Vì hai hàng hóa thay thế có mối quan hệ cùng chiều nhau

Notes: giá A tăng => cầu B tăng, giá A giảm => cầu B giảm

Câu 19: Khi giá sản phẩm Y là 4 thì lượng tiêu thụ sản phẩm X là 10. Khi giá sản phẩm Y giảm xuống còn 2 thì lượng tiêu thụ sản phẩm X là 15. Vậy:

- a. X và Y là hai sản phẩm thay thế cho nhau
- b. X và Y là hai sản phẩm bổ sung cho nhau

- c. X và Y là hai sản phẩm vừa thay thế, vừa bổ sung cho nhau
- d. X và Y là hai sản phẩm tách rời nhau

Câu 20: Khi một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo giá là 2, giá hàng hoá tăng 10% thì lượng cầu tiêu thụ sẽ:

- a. Tăng 10%
- b. Giảm 20%
- c. Tăng 20%
- d. Giảm 5%

CHƯƠNG 4

Câu 1: Hàm Chi phí của DN là $TC = Q^2 + 2Q + 11$. Chi phí biến đổi của sản phẩm thứ 10 là:

- a. 11
- b. 150
- c. 120
- d. 131

Notes:

Câu 2: Tổng chi phí có dạng: $TC = Q^2 + 6Q + 1500$. Chi phí cố định của sản phẩm thứ 10 là

- a. 1660
- b. 1500
- c. 1580
- d. 150

Câu 3: Chi phí biên MC là:

- a. Chi phí tăng thêm khi tiêu dùng thêm một sản phẩm
- b. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm một đơn vị YTSX
- c. Chi phí tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm
- d. Là độ dốc của đường tổng doanh thu

Câu 4: Nếu chi phí trung bình để sản xuất 12 đvsp là 29\$ và chi phí trung bình để sản xuất 13 đvsp là 27\$ thì giữa 12 và 13 sản phẩm:

- a. Chi phí cố định biên đang giảm
- b. Chi phí cố định trung bình đang giảm
- c. Chi phí biên đang tăng
- d. Chi phí biên đang giảm

Câu 5: Doanh thu biên (MR) là:

- a. Là độ dốc của đường tổng phí
- b. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi giá cả sản phẩm thay đổi
- c. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm một sản phẩm
- d. Là độ dốc của đường cầu sản phẩm

Câu 6: Nhận định nào dưới đây phản ảnh hàm sản xuất trong ngắn hạn:

- a. Khi MP giảm, AP cắt MP tại điểm cực tiểu.
- b. MP bằng 0 khi Q đạt cực đại.
- c. MP luôn bằng AP khi MP đạt cực đại.
- d. Sản lượng bắt đầu giảm khi lợi nhuận giảm.

Câu 7: Tổng chi phí có dạng: $TC = Q^2 + 6Q + 1500$. Chi phí biến đổi của sản phẩm thứ 10 là:

- a. 150
- b. 16
- c. 1660
- d. 160

Câu 8: Trong kinh tế học, sản xuất trong ngắn hạn được hiểu là:

- a. Thời gian sản xuất trong đó ít nhất 1 yếu tố đầu vào cố định
- b. Thời gian sản xuất trong đó tất cả các yếu tố đầu vào cố định
- c. Thời gian sản xuất trong đó ít nhất 1 yếu tố đầu vào thay đổi

- d. Thời gian sản xuất dưới 1 năm

Notes: ngắn hạn là **ít nhất 1** yếu tố đầu vào cố định, dài hạn là **MỌI** yếu tố đầu vào thay đổi

Câu 9: Trong ngắn hạn, sản lượng tối đa được xác định trên cơ sở:

- a. $AP = MP$
- b. $MP = 0$
- c. $MP = MC$
- d. $MR = MC$

Câu 10: Ở các mức sản lượng có chi phí biên lớn hơn chi phí trung bình thì:

- a. Đường chi phí biên ở vào điểm cực đại của nó
- b. Doanh nghiệp nên tăng sản lượng
- c. Đường chi phí trung bình dốc lên
- d. Đường chi phí trung bình dốc xuống

Câu 11: Trong các đẳng thức dưới đây đẳng thức nào là đúng ứng với mức sản lượng tại đó AC đạt giá trị cực tiểu:

- a. $AVC = FC$
- b. $MC = AVC$
- c. $MC = AC$
- d. $P = AVC$

Câu 12: Trong kinh tế học, sản xuất trong dài hạn được hiểu là:

- a. Thời gian sản xuất trong đó ít nhất 1 yếu tố đầu vào thay đổi
- b. Thời gian sản xuất trong đó tất cả các yếu tố đầu vào thay đổi
- c. Thời gian sản xuất trên 1 năm
- d. Thời gian sản xuất trong đó ít nhất 1 yếu tố đầu vào cố định

Câu 13: Khi MP bé hơn 0 thì:

- a. Sản lượng giảm
- b. Cả sản lượng và năng suất trung bình đều giảm
- c. Năng suất trung bình tăng
- d. Sản lượng giảm và năng suất trung bình tăng

Câu 14: Nếu chi phí biến đổi trung bình để sản xuất 10 đvsp là 18\$ và chi phí biến đổi trung bình để sản xuất 11 đvsp là 20\$ thì giữa 10 và 11 sản phẩm:

- a. Hiệu suất giảm dần không tồn tại
- b. Có sự dư thừa công suất
- c. Chi phí biên đang tăng
- d. Chi phí trung bình đang tăng

Câu 15: Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. AC giảm, nghĩa là MC nhỏ hơn AC
- b. MC tăng làm AC tăng
- c. MC = AC tại mọi điểm thì AC nằm ngang
- d. AC thấp hơn MC, nghĩa là AC đang tăng

CHƯƠNG 5

Câu 1: Tổng chi phí sản xuất sản phẩm A là $TC = 100 + 2Q + Q^2$. Đường chi phí biên đổi là:

- a. $(100/Q) + 2 + Q$
- b. 100
- c. $2 + 2Q$
- d. $2Q + Q^2$

Câu 2: Đối với một doanh nghiệp **canh tranh hoàn toàn**, tình trạng sản lượng tăng lên làm cho lợi nhuận giảm, lúc này:

- a. Doanh thu biên vượt quá chi phí biên
- b. Doanh thu biên thấp hơn chi phí biên
- c. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí
- d. Doanh thu biên bằng giá bán

Câu 3: Điều nào dưới đây không xảy ra trong CTHH:

- a. Người bán và người mua có được thông tin hoàn hảo về giá của sản phẩm trên thị trường
- b. Không hãng nào có thể tạo một ảnh hưởng đáng kể đối với giá trị trường của hàng hóa
- c. Các hãng trong ngành không có lợi thế so với những người gia nhập mới

d. Có những cản trở đáng kể đối với việc gia nhập ngành

Câu 4: Doanh thu biên (MR) là:

- a. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm một sản phẩm
- b. Là độ dốc của đường cầu sản phẩm
- c. Là độ dốc của đường tổng phí
- d. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi giá cả sản phẩm thay đổi

Câu 5: Mức sản lượng làm tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường độc quyền là mức sản lượng tại:

- a. $MC = P$
- b. $MR = P$
- c. $MR = AC$
- d. $MR = MC$

Notes: Để tối đa hóa lợi nhuận, **doanh nghiệp độc quyền** sẽ sản xuất ở mức sản lượng tại đó **chi phí biên (MC)** bằng **doanh thu biên (MR)**. Điều này đảm bảo rằng doanh thu biên từ việc sản xuất thêm một đơn vị bằng với chi phí biên của việc sản xuất thêm đơn vị đó, giúp tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 6: Trong thị trường cạnh tranh không hoàn hảo thì:

- a. Thị trường quyết định giá. (cạnh tranh hoàn hảo)
- b. Doanh nghiệp lớn nhất quyết định giá.
- c. Người mua quyết định giá.
- d. Người bán quyết định giá.

Câu 7: Khi $P = AVC_{min}$, DN nên quyết định:

- a. Sản xuất ở xuất lượng tại đó $MC = MR$
- b. Ngưng sản xuất
- c. Sản xuất tại xuất lượng có AC min
- d. Sản xuất tại xuất lượng có $P = MC$

Note: do hoá vốn => NÊN dừng

Câu 8: Trong các đẳng thức dưới đây đẳng thức nào là đúng ứng với mức sản lượng tại đó doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo đạt được hoà vốn:

- a. $AVC = FC$

- b. $P=AC_{\min}$
- c. $MC = AVC_{\min}$
- d. $MC=AC_{\min}$

Câu 9: Đường cung của các xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- a. Phần đường chi phí biên nằm ở phía dưới đường AVC
- b. Đường chi phí biên ngắn hạn của XN
- c. Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AVC
- d. Phần đường chi phí biên nằm ở phía bên đường AVC

Câu 10: Trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo việc gia nhập hay rút lui khỏi ngành của các doanh nghiệp là:

- a. Rất thuận lợi.
- b. Rất khó khăn.
- c. Phụ thuộc vào từng doanh nghiệp.
- d. Phụ thuộc vào quy mô của nền kinh tế

Câu 11: Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất sản lượng tại đó:

- a. $MC = MR$
- b. $MC = AR$
- c. $MC = P$
- d. $AC = P$

Câu 12: Mức sản lượng làm tối đa hoá doanh thu của doanh nghiệp trong thị trường độc quyền là mức sản lượng tại:

- a. $MR = P$
- b. $MR=0$
- c. $MC = P$
- d. $MR=MC$

Câu 13: Trong các đẳng thức dưới đây đẳng thức nào là đúng ứng với mức sản lượng tại đó doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo có thể bị đóng cửa:

- a. $MC = AVC_{min}$
- b. $P = AVC_{min}$
- c. $MC = ATC$
- d. $AVC = FC$

Câu 14: Để tối đa hóa sản lượng bán mà không bị lỗ, xí nghiệp độc quyền nên sản xuất theo nguyên tắc:

- a. $P = MR$
- b. $MC = P$
- c. $MC = MA$
- d. $P = AC$

Câu 15: Điều nào dưới đây không phải là đặc điểm của ngành cạnh tranh hoàn hảo:

- a. Sản phẩm có sự khác biệt chút ít
- b. Mỗi hãng quyết định sản lượng của mình
- c. Đường cầu của ngành dốc xuống
- d. Đường cầu của mỗi hãng là hoàn toàn co giãn

CHƯƠNG 6

Câu 1: Muốn tính GNP từ GDP của một nước, ta phải:

- a. Cộng với thu nhập ròng của dân cư trong nước kiếm được ở nước ngoài
- b. Trừ đi chuyển giao thu nhập của chính phủ cho các hộ gia đình
- c. Cộng với thuế gián thu
- d. Cộng với xuất khẩu ròng

Câu 2: Khi tính GDP thì việc cộng hai khoản mục nào dưới đây là không đúng:

- a. Chi tiêu cho đầu tư và chi tiêu cho chính phủ
- b. Chi tiêu của chính phủ với tiền lương
- c. Tiêu dùng của dân cư và chi tiêu chính phủ
- d. Lợi nhuận của công ty và tiền lãi nhận được từ việc cho công ty vay tiền

Câu 3: GDP là

- a. Tổng giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do các công dân trong nước sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định
- b. Tổng giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng tạo ra trên lãnh thổ một nước trong một thời kỳ nhất định
- c. Tổng giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ tạo ra trên lãnh thổ một nước trong một thời kỳ nhất định
- d. Tổng giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra trong một thời điểm nhất định

Câu 4: Khoản mục nào sau đây được coi là **đầu tư** trong hệ thống tài khoản thu nhập quốc dân:

- a. Bạn mua một ngôi nhà cổ trong khu di tích lịch sử được bảo vệ
- b. Bạn mua 1000 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán
- c. Các ý đều đúng
- d. Bạn mua một chiếc xe tải mới để chở hàng

Câu 5: Lợi nhuận do một công ty Việt Nam tạo ra tại Mỹ sẽ được tính vào:

- a. Cả GDP và GNP của Việt Nam
- b. GNP của Việt Nam và GDP của Mỹ
- c. GDP của Việt Nam và GNP của Mỹ
- d. Cả GDP và GNP của mỹ

Câu 6: Nếu GDP danh nghĩa ở năm 1 là 5000 tỷ và năm 2 là 6000 tỷ. Giá cả năm 2 cao hơn năm 1 thì khi đó:

- a. GDP thực tế năm 1 lớn hơn năm 2
- b. GDP thực tế năm 2 lớn hơn năm 1
- c. Chưa đủ thông tin để kết luận về sự thay đổi của GDP hay GNP thực tế
- d. GNP thực tế năm 2 lớn hơn năm 1

Câu 7: Sản phẩm trung gian có thể được định nghĩa là sản phẩm:

- a. Được mua trong năm nay, nhưng được sử dụng trong những năm sau đó
- b. Được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ khác

- c. Được bán cho người sử dụng cuối cùng
- d. Được tính trực tiếp vào GDP

Câu 8: Lợi nhuận do một công ty Nhật tạo ra tại Việt Nam sẽ được tính vào:

- a. GNP của Việt Nam và GDP của Nhật
- b. Cả GDP và GNP của Việt Nam
- c. GDP của Việt Nam và GNP của Nhật
- d. Cả GDP và GNP của mỹ

Câu 9: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng GDP thực tế của Việt Nam năm 2020 là 2,9%. Điều đó có nghĩa là:

- a. GDP tính theo giá cố định của năm 2020 bằng 102,9% so với năm gốc
- b. GDP tính theo giá cố định của năm 2020 bằng 102,9% so với năm 2019
- c. GDP danh nghĩa của năm 2020 bằng 102,9% so với năm gốc
- d. GDP danh nghĩa của năm 2020 bằng 102,9% so với năm 2019

Câu 10: Nếu GDP danh nghĩa là 4410 và chỉ số điều chỉnh là 105, thì GDP thực tế là:

- a. 4210
- b. 4200
- c. 4630
- d. 4000

Câu 11: Giả sử một nông dân trồng lúa mì và bán cho nhà sản xuất bánh mì với giá 1 triệu. Người sản xuất bánh mì làm bánh mì và bán cho cửa hàng với giá 2 triệu. Cửa hàng bán cho người tiêu dùng 3 triệu. Các hoạt động này làm GDP tăng:

- a. 1 triệu
- b. 6 triệu
- c. 2 triệu
- d. 3 triệu

Câu 12: Nếu mức sản xuất không thay đổi và giá của mọi sản phẩm đều tăng gấp đôi so với năm gốc, khi đó chỉ số điều chỉnh GDP (DGDP) bằng:

- a. 150
- b. 100
- c. 50
- d. 200

Note: $\text{GDP thực tế} = (\text{GDP danh nghĩa} / \text{chỉ số điều chỉnh}) \times 100$ (thì lquan chó j)

Câu 13: GDP danh nghĩa:

- a. Được sử dụng để phản ánh sự thay đổi của phúc lợi kinh tế theo thời gian
- b. Được tính theo giá cố định
- c. Được tính theo giá của năm gốc
- d. Được tính theo giá hiện hành

Câu 14: Tháng 10/2021, bạn bán chiếc laptop 3 triệu mà cách đây sáu năm bạn đã mua với giá 10 triệu. Để bán được, bạn phải trả cho người môi giới 100 ngàn. Sau khi thực hiện giao dịch, GDP của Việt nam:

- a. Tăng lên 3 triệu
- b. Tăng 100 ngàn
- c. Giảm 7 triệu
- d. Không bị ảnh hưởng

Notes: Trong tình huống này, chúng ta cần hiểu rằng **GDP** chỉ phản ánh giá trị của các giao dịch sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế, và không tính đến các giao dịch về tài sản đã qua sử dụng. Đặc biệt, việc bán chiếc laptop cũ không tạo ra giá trị gia tăng trong nền kinh tế mới mà chỉ là một chuyển nhượng tài sản đã có từ trước.

- Bạn đã mua laptop với giá **10 triệu** sáu năm trước, nhưng khi bán lại chỉ có **3 triệu**. Mặc dù giao dịch này có liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản, nhưng nó không làm tăng giá trị sản xuất của nền kinh tế trong năm giao dịch này.
- Tuy nhiên, chi phí môi giới **100 ngàn** là một dịch vụ mới, do đó sẽ góp phần vào GDP của năm 2021.

Câu 15: Theo cách tiếp cận chi tiêu trong việc tính GDP, khoản tiền mà Thành phố Hồ Chí Minh chi để nâng cấp các đường giao thông nội thị được tính là:

- a. Tiêu dùng
- b. Mua hàng của chính phủ
- c. Đầu tư
- d. Xuất khẩu ròng

Note: Theo cách tiếp cận chi tiêu trong việc tính **GDP**, các chi tiêu của chính phủ để nâng cấp cơ sở hạ tầng, như việc nâng cấp đường giao thông nội thị, được tính vào **chi tiêu của chính phủ**.

- **Chi tiêu của chính phủ** bao gồm các khoản chi của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ công, chẳng hạn như chi cho giáo dục, y tế, quốc phòng, và cơ sở hạ tầng.

Câu 16: Khoản mục nào sau đây được tính một cách **trực tiếp** trong GDP theo cách tiếp cận chi tiêu:

- a. Giá trị hàng hóa trung gian
- b. Dịch vụ tư vấn
- c. Hoạt động mua bán ma túy bất hợp pháp
- d. Công việc nội trợ

Câu 17: Với tư cách là người đi vay, tình huống nào sau đây có lợi nhất:

- a. Lãi suất danh nghĩa 20% và tỷ lệ lạm phát 25%
- b. Lãi suất danh nghĩa 5% và tỷ lệ lạm phát 1%
- c. Lãi suất danh nghĩa 15% và tỷ lệ lạm phát 14%
- d. Lãi suất danh nghĩa 12% và tỷ lệ lạm phát 9%

Câu 18: Những khoản mục nào sau đây sẽ được tính vào GDP năm nay:

- a. Một chiếc ô tô mới được nhập khẩu từ nước ngoài
- b. Máy in mới sản xuất ra trong năm nay được một công ty xuất bản mua
- c. Nhà máy giày vừa xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ năm trước
- d. Laptop sản xuất trong năm trước được một sinh viên mua để chuẩn bị cho kỳ thi học kỳ

Câu 19: Giá trị sản lượng của một hãng trừ đi chi phí về các sản phẩm trung gian được gọi là:

- a. Lợi nhuận
- b. Giá trị gia tăng
- c. Xuất khẩu ròng
- d. Khấu hao

Notes: **Giá trị gia tăng** là sự tăng thêm giá trị trong quá trình sản xuất của một doanh nghiệp, ngành, hoặc nền kinh tế, được đo bằng cách lấy giá trị sản lượng trừ đi chi phí của các sản phẩm trung gian (những hàng hóa hoặc dịch vụ đã được sử dụng trong quá trình sản xuất).

Công thức tính giá trị gia tăng:

Giá trị gia tăng = Giá trị sản lượng – Chi phí sản phẩm trung gian